TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 26

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 80, 69, 58, ……, 36, 25

A. 46 **B.** 58 **C.** 47 **D.** 48

Câu 2. Từ ba chữ số 0, 5, 9 lập được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau?

A. 6 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 9

Câu 3. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 71 − 25 − 9 …… 29 + 36 − 25

A. > **B.** < **C.** =

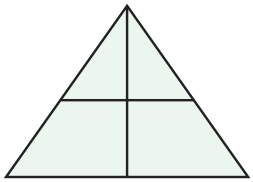
Câu 4. Hoa có 28 viên bi, Phúc có nhiều hơn Hoa 15 viên bi. Phúc có số viên bi là:

A. 13 **B.** 34 **C.** 43 **D.** 38

Câu 5. Can to đựng 14 l dầu, can bé đựng ít hơn can to 8 l. Cả hai can đựng được:

A. 6 l **B.** 36 l **C.** 22 l **D.** 20 l

Câu 6. Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?



A. 7 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 4

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5, 12, 19, 26, ……, ……

b) 28, 36, 44, 52, ……, ……

Bài 2. Tính:

a) 29 + 23 − 7 = ……

b) 70 − 39 − 16 = ……

c) 34 + 17 + 18 = ……

d) 19 l + 33 l − 15 l = …… l

Bài 3. Ngày 7 tháng 12 là thứ Ba. Biết tháng 12 có 31 ngày. Viết vào chỗ chấm:

a) Ngày 17 tháng 12 là thứ ……

b) Tháng 12 năm đó có …… ngày Chủ nhật

c) Ngày Chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

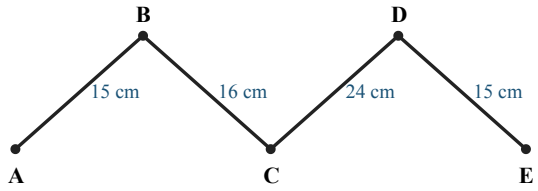
a) 3 dm = …… cm

b) 80 cm = …… dm

c) 2 dm 3 cm = …… cm

d) 3 dm + 20 cm = …… cm

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Nam có 55 nhãn vở. Nam cho Vy 10 nhãn vở, sau đó mẹ mua thêm cho Nam 11 nhãn vở. Hỏi lúc này Nam có bao nhiêu nhãn vở?

a) Sau khi cho Vy, Nam còn: …… nhãn vở

b) Lúc này Nam có: …… nhãn vở

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 26

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	B	C	D	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Thêm 7 mỗi lần: 33, 40

b) Thêm 8 mỗi lần: 60, 68

Bài 2.

a) 29 + 23 = 52; 52 − 7 = 45

b) 70 − 39 = 31; 31 − 16 = 15

c) 34 + 17 = 51; 51 + 18 = 69

d) 19 + 33 = 52; 52 − 15 = 37

Bài 3.

a) Đếm thêm từ ngày 7 (thứ Ba) đến ngày 17: thứ Sáu

b) Các ngày Chủ nhật: 5, 12, 19, 26: có 4 ngày

c) Ngày 26

Bài 4.

a) 30

b) 8

c) 20 + 3 = 23

d) 30 + 20 = 50

Bài 5.

a) 15 + 16 + 24 + 15 = 70 (cm)

b) 70 cm = 7 dm

Bài 6.

Sau khi cho: 55 − 10 = 45 (nhãn vở)

Lúc này: 45 + 11 = 56 (nhãn vở)